TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2022/DSPT
Ngày: 31/5/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Huyền

Ông Lại Huỳnh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2021/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1446/2022/QĐ-PT ngày tháng 19 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 5074/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V; địa chỉ trụ sở: 2C đường P, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Quốc T1; địa chỉ: 1291C Đường B, Phường 16, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 102/GUQ-2018 ngày 20/12/2018); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1968; địa chỉ: 106/1/2/51 Đường N, phường D, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1932, chết năm 2019 (theo Giấy chứng tử số 68 ngày 13/11/2019 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận H).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M:

3.1.1. Bà Nguyễn Thị Hòa H, sinh năm 1958;

3.1.2. Ông Nguyễn Công K, sinh năm 1970;

3.1.3. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: 06 Đường H, phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M:

3.1.4. Bà Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1953; địa chỉ: 4 ngõ 116 (ngõ 90) Đường Y, phường V, Quận T, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.1.5. Bà Nguyễn Thị Hồng H2, sinh năm 1955; địa chỉ: 50 Đường Q, phường G, Quận H, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.1.6. Ông Nguyễn Đình A, sinh năm 1961; địa chỉ thường trú: 06 Đường H, phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội. Tạm trú: 600/12/5 Đường K, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình A: Ông Vũ Quốc D, sinh năm 1967; địa chỉ: 235 Đường C, Phường 4, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền được công chứng số 12197 ngày 28/12/2020 tại Văn phòng Công chứng N); vắng mặt.

3.2. Bà Cao Thị Phương L, sinh năm 1971;

3.3. Bà Trần Thị Ánh T, sinh năm 1964;

3.4. Ông Nguyễn Công M, sinh năm 2002;

3.5. Bà Nguyễn Phương N, sinh năm 1995;

3.6. Bà Nguyễn Hoa L, sinh năm 2000;

3.7. Trẻ Nguyễn Lan C, sinh năm 2006 (do ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Ánh T làm người đại diện theo pháp luật);

3.8. Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: 06 Đường H, phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đình A – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2018, các bản tự khai và biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Quốc T1 trình bày:

Trong năm 2012, Ngân hàng V và ông Nguyễn Hữu H có ký kết hai hợp đồng tín dụng, bao gồm: Hợp đồng tín dụng số 16/2012/HĐTDTL-CN ngày 14/02/2012, vay số tiền là 2.100.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng và Hợp đồng tín dụng số 19/2012/HĐTDTL-CN ngày 18/02/2012, vay số tiền là 1.700.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng; mục đích vay là để ông H góp vốn vào Công ty DNN; lãi suất vay là 21,5%/ năm, tuy nhiên đến ngày 17/8/2012 và ngày 22/8/2012 thì hai bên

thỏa thuận điều chỉnh lãi suất là 17%/ năm. Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là căn nhà số 06 Đường H, phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị M.

Quá trình vay thì ông H chỉ trả được một phần lãi theo kỳ và đã được Ngân hàng khấu trừ vào phần lãi phải trả; nhưng sau đó phía ông H ngừng không thanh toán tiếp. Đến hạn trả nợ thì ông H không trả được nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu H phải thanh toán số nợ như sau:

- Nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 16/2012/HĐTDTL-CN ngày 14/02/2012:

+ Nợ gốc: 2.100.000.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 364.058.336 đồng.

+ Phí phạt chậm trả lãi: 18.202.915 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/4/2021 là: 4.449.112.500 đồng.

- Nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 19/2012/HĐTDTL-CN ngày 18/02/2012:

+ Nợ gốc: 1.700.000.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 298.987.498 đồng.

+ Phí phạt chậm trả lãi: 14.949.378 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/4/2021 là: 3.596.845.834 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu H không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 06 Đường H, phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội (thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị M) để thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 31/HĐTC-2012 ngày 20/02/2012 đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng T.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Phía nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu theo Đơn khởi kiện ngày 01/11/2018 và xác định số tiền vốn gốc và lãi của cả hai hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/4/2021 là 12.542.156.461 đồng (bao gồm tiền nợ vốn gốc là 3.800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 663.045.834 đồng, phí phạt chậm trả lãi là 33.152.293 đồng và nợ lãi quá hạn là 8.045.958.334 đồng).

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông Nguyễn Hữu H vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của phía bị đơn.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M không có yêu cầu độc lập và không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Đến năm 2019, bà Nguyễn Thị M chết theo Giấy chứng tử số 68 ngày 13/11/2019 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội nên làm

phát sinh quyền kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M đối với các con của bà M; đồng thời, căn cứ theo xác minh của chính quyền địa phương thì cha mẹ của bà M và chồng của bà M chết trước thời điểm bà M chết; do đó, Tòa án đã đưa các con của bà M tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, những người đang cư trú tại căn nhà số 06 Đường H, phường H, Quận H được Tòa án triệu tập tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết. Do đó, Tòa án nhân dân Quận M không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Riêng đối với ông Nguyễn Đình A (con của bà M) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đến Tòa án cung cấp bản tự khai ngày 15/10/2020, cung cấp thông tin về quan hệ nhân thân, nêu ý kiến yêu cầu Ngân hàng V cung cấp Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, bảng tính lãi, hồ sơ thẩm định giá đối với tài sản thế chấp là căn nhà số 06 Đường H, phường H, Quận H; ông A sau đó đã ủy quyền cho ông Vũ Quốc D tham gia vụ án với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình A.

Tòa án nhân dân Quận M đã ủy thác Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hà Nội thu thập thông tin về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; thu thập lời khai ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 06 Đường H, phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội. Kết quả thực hiện ủy thác như sau:

Về kết quả thu thập thông tin về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã xác định được gồm có các ông, bà Nguyễn Thị Hòa H, ông Nguyễn Công K, bà Cao Thị Phương L, ông Nguyễn Anh T, bà Trần Thị Ánh T, ông Nguyễn Công M, bà Nguyễn Phương N, bà Nguyễn Hoa L, trẻ Nguyễn Lan C (do ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Ánh T làm người đại diện theo pháp luật), ông Nguyễn Việt H, bà Nguyễn Thị Hồng H1, bà Nguyễn Thị Hồng H2 và ông Nguyễn Đình A.

Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, Tòa án nhân dân Quận H xác định được tình trạng căn nhà đã được xây dựng từ năm 2007 (theo thông tin do đương sự cung cấp); Tòa án đã lập Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 21/02/2020, ghi nhận tình trạng nhà và ghi nhận ý kiến của đương sự.

Về kết quả thu thập ý kiến lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án nhân dân Quận H đã ghi nhận ý kiến của đương sự Nguyễn Anh T, Nguyễn

Công K và Nguyễn Thị Hòa H; theo đó, các đương sự đề nghị Tòa án nhân dân Quận M, nguyên đơn khởi kiện cung cấp toàn bộ hồ sơ vụ án để đương sự thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông Nguyễn Anh T còn trình bày, xác nhận mẹ ông là bà Nguyễn Thị M đã cho mượn tài sản để thế chấp trong việc vay tài sản tại Ngân hàng V; xác định hợp đồng thế chấp tài sản có vấn đề không đúng, cụ thể là tại thời điểm thế chấp thì Hợp đồng thế chấp ghi nhận căn nhà số 06 Đường H là nhà cấp 4 nhưng thực tế là nhà đã được xây thành 06 tầng. Ông Nguyễn Anh T đề nghị Tòa án nhân dân Quận M xét xử trả lại tài sản thế chấp là căn nhà số 06 Đường H cho các con của bà M. Ngoài việc thu thập được ý kiến của ông T thì Tòa án đã thu thập được ý kiến của ông Nguyễn Đình A, ông Nguyễn Công K và bà Nguyễn Thị Hòa H như đã nêu ở trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2020/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng V về việc buộc ông Nguyễn Hữu H thanh toán nợ vay.

Buộc ông Nguyễn Hữu H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền là 12.509.004.168 đồng (Mười hai tỷ năm trăm lẻ chín triệu không trăm lẻ bốn nghìn một trăm sáu mươi tám đồng), bao gồm nợ vốn gốc là 3.800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 663.045.834 đồng và tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/4/2021 là 8.045.958.334 đồng; trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp ông Nguyễn Hữu H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ đối với tài sản thế chấp là căn hộ thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị M tại địa chỉ số 06 Đường H, Phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10105215096 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/12/2002 và theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 26/HĐTC-2012 ngày 15/02/2012 đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng T, có đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/02/2012 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận H, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Hữu H vẫn phải có nghĩa vụ trả tiếp cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên.

Trong trường hợp ông Nguyễn Hữu H hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán xong tất cả các khoản nợ trước khi cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng V có nghĩa vụ tiến hành ngay thủ tục giải chấp và trả lại toàn bộ giấy tờ đã giữ của bà Nguyễn Thị M liên quan đến tài sản thế chấp là căn nhà số 06 Đường H, phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội thuộc sở hữu và quyền sử dụng của bà M là bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10105215096 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/12/2002, trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trừ trường hợp bà Nguyễn Thị M còn phải thực hiện nghĩa vụ khác đối với Ngân hàng V.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng V về việc buộc ông Nguyễn Hữu H có nghĩa vụ trả khoản phí phạt chậm trả lãi là 33.152.293 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Đình A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và cung cấp bản sao Hợp đồng thuê mặt bằng đặt trạm thông tin di động, tên trạm HG, địa chỉ: số 6 Đường H, quận H, Thành phố Hà Nội ký kết giữa Trung tâm mạng lưới Mobifone miền Bắc – Chi nhánh Tổng Công ty viễn thông M và bà Nguyễn Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo – ông Nguyễn Đình A có ông Vũ Quốc D đại diện trình bày: Đề nghị sửa án sơ thẩm do lãi suất và việc tính lãi quá cao gần 30% và không đưa Trung tâm mạng lưới Mobifone Miền Bắc vào tham gia tố tụng

Nguyên đơn trình bày: đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện thủ tục, trình tự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Do trong quá trình xét xử phúc thẩm có phát sinh tình tiết mới cần phải đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm mạng lưới Mobifone miền Bắc – Chi nhánh Tổng Công ty viễn thông M vào tham gia tố tụng; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đình A, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn – ông Nguyễn Hữu H, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đồng thời là Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M là các ông, bà Nguyễn Thị Hòa H, ông Nguyễn Công K và ông Nguyễn Anh T; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M gồm bà Nguyễn Thị Hồng H1 và bà Nguyễn Thị Hồng H2; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Cao Thị Phương L, bà Trần Thị Ánh T, ông Nguyễn Công M, bà Nguyễn Phương N, bà Nguyễn Hoa L, trẻ Nguyễn Lan C (do ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Ánh T làm người đại diện theo pháp luật) và ông Nguyễn Việt H vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần

thứ hai; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo về việc tính lãi quá cao, lãi quá hạn lên đến 30%/năm và sửa bản án sơ thẩm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Đình A do ông Vũ Quốc D đại diện đã nêu trên.

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo về việc tính lãi quá cao, lãi quá hạn lên đến 30%/năm, thấy rằng theo các chứng cứ có trong hồ sơ và hai Hợp đồng tín dụng số 16/2012/HĐTDTL-CN ngày 14/02/2012 và Hợp đồng tín dụng số 19/2012/HĐTDTL-CN ngày 18/02/2012, xác định Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn số tiền 3.800.000.000 đồng vào các ngày 14/02/2012 và ngày 18/02/2012; quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ. Hai hợp đồng nói trên được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; cấp sơ thẩm căn cứ các quy định pháp luật: khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước nhận định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên buộc ông Nguyễn Hữu H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 12.509.004.168 đồng. Quyết định của Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Ngoài ra, đối với yêu cầu thanh toán phí phạt chậm trả lãi tổng cộng là 33.152.293 đồng, cấp sơ thẩm căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn đã nhận định đối với thời gian quá hạn của hai hợp đồng vay nêu trên đã được nguyên đơn tính lãi trên nợ gốc quá hạn nên việc nguyên đơn tiếp tục tính phí phạt chậm trả lãi là hình thức xử lý lãi quá một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn, vi phạm khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 01; cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính phí phạt của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Quốc D đại diện cho ông Nguyễn Đình A cho rằng: Từ năm 2006, bà Nguyễn Thị M đã cho Trung tâm mạng lưới Mobifone miền Bắc – Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông M thuê mặt bằng để xây dựng, lắp đặt trạm thông tin di động (viết tắt là BTS) và các dịch vụ bảo vệ, hỗ trợ vận hành khai thác và phòng cháy chữa cháy trạm BTS tại địa chỉ số 6 phố Đường H, quận H, Thành phố Hà Nội, tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa đưa Trung tâm mạng lưới Mobifone miền Bắc – Chi nhánh Tổng Công ty viễn thông M vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng. Xét thấy, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thu thập chứng cứ tại Trung tâm mạng lưới Mobifone miền Bắc – Chi nhánh Tổng Công ty viễn thông M, theo Công văn số 1137/TT.MLMB-

D9VTHN1 ngày 14/4/2022 của Trung tâm mạng lưới Mobifone Miền Bắc – Chi nhánh Tổng Công ty viễn thông M trả lời như sau:

Trung tâm mạng lưới Mobifone miền Bắc – Chi nhánh Tổng Công ty viễn thông M là đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng. Trung tâm mạng lưới Mobifone miền Bắc – Chi nhánh Tổng Công ty viễn thông M và bà Nguyễn Thị M đã ký kết Hợp đồng 101/HĐ-TMB/2019-D9VTHN1 ngày 01/01/2019 về việc thuê mặt bằng đặt trạm thông tin di động HG, thời hạn thuê từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2023; Trạm thông tin di động HG hiện còn đặt tại vị trí số 06 Đường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Theo kết quả xác minh trên đây, xét thấy cần phải đưa Trung tâm mạng lưới Mobifone miền Bắc – Chi nhánh Tổng Công ty viễn thông M vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được; do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi của đương sự, đảm bảo hai cấp xét xử phù hợp quy định pháp luật. Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, cấp sơ thẩm hoàn toàn không có lỗi.

Từ những lập luận trên, xét không chấp nhận kháng cáo đề nghị sửa án của của ông Nguyễn Đình A, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận M giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí, án phí dân sự sơ thẩm sẽ được giải quyết lại khi vụ án được giải quyết; do hủy án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Đình A, chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đình A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0052967 ngày 03/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận M;
- TAND Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (T/20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hương